

Bản án số: 50/2019/HS- ST

Ngày 18-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm G

Ông Trần Anh D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên .

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2019/TLST- HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2019/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Cao Văn Đ, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1984

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Ng, xã An, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn Tr và bà: Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị Thu H; có 2 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 15/5/2019 đến ngày 17/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Ng, xã A, huyện T, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Công Kh, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Nơi cư trú: phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Giáp Văn Tr, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 14/5/2019, khi đang ở nhà thì Đ nhận được điện thoại từ số thuê bao 0393056454 của người đàn ông tên S (thường gọi là S béo, ở thôn H, xã C, huyện T do Đ mới quen) gọi điện cho Đ vào số thuê bao 0984450545 nói với Đ “Tao có một trăm chín mươi nghìn, mày xoay đầu mấy chục góp cùng chơi”, ý của S là S có 190.000 đồng (một trăm chín mươi nghìn đồng) và bảo Đ góp thêm cho S mấy chục nghìn để mua ma túy Heroine cùng sử dụng, thì Đ đồng ý, do S không có xe và bảo Đ đến đón S tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện T. Sau đó, Đ đi xe mô tô biển kiểm soát 98N8-3169 đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện T để đón S, Đ chở S đi theo Quốc lộ 17 hướng thị trấn C đi thị trấn Nh, huyện T. Khi đi qua Cửa hàng xăng dầu xã L thì S đưa cho Đ 190.000 đồng (một trăm chín mươi nghìn đồng), để Đ mua ma túy, Đ cầm tiền S đưa cho ở tay trái và điều khiển xe mô tô đi đến cánh đồng xã L rồi rẽ vào bờ đê L thuộc khu vực thôn Đ, xã L, huyện T thì dừng xe, S xuống xe đứng chờ, còn một mình Đ đi xe vào khu vực phía trong bờ đê để mua ma túy. Tại đây, Đ gặp một người đàn ông khoảng trên 30 tuổi (Đ không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) đi xe mô tô ra, Đ hỏi “Đi đâu đấy, mua hộ tôi cái” (ý Đ nhờ người đàn ông mua hộ Đ một ít ma túy Heroin), người đàn ông đồng ý, Đ đưa số tiền 220.000 đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó 190.000 đồng (một trăm chín mươi nghìn đồng) là tiền của S và 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) là tiền của Đ. Sau khi cầm tiền của Đ, người đàn ông đi khoảng 05 phút và quay lại đưa cho Đ 02 (hai) gói giấy bạc đựng chất ma túy heroine, sau đó Đ đi xe mô tô ra chỗ S đợi và đưa 02 gói ma túy vừa mua được cho S, S cầm 02 gói ma túy cất vào vỏ bao thuốc lá “Thăng Long” rồi đưa lại cho Đ, Đ cầm bao thuốc lá đựng 02 gói ma túy ở tay trái và điều khiển xe chở S ngồi sau đi ra theo Quốc lộ 17 về hướng thị trấn C, huyện T. Khi đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện T, Đ và S gặp anh Giáp Văn Tr, sinh năm 1982 ở thôn Ng, xã C, huyện T vẫy xe đi nhờ, Đ đồng ý dừng xe, anh Tr lên xe ngồi giữa, S ngồi sau cùng và Đ đi xe về hướng trung tâm thị trấn C, huyện T. Khi Đ đi xe mô tô đến ngã ba đường rẽ vào xã Ph, huyện T thì S bảo Đ dừng xe để vào quán mua bột lửa, Đ dừng xe để S vào quán mua bột lửa, còn Đ và anh Tr ngồi ở trên xe, thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra thì thấy S bỏ chạy, Đ sợ đã thả bao thuốc lá bên trong có 02 gói ma túy vừa mua được xuống nền đường tại vị trí dừng xe, thì bị Công an phát hiện và thu giữ toàn bộ số ma túy của Đ cùng 01 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda có biển kiểm soát 98N8-3169 của Đ, đồng thời niêm phong số ma túy Đ tàng trữ rồi đưa Đ cùng anh Tr về Công an thị trấn C, huyện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

01 (một) vỏ bao thuốc lá màu vàng có nhãn hiệu “Thăng long”, bên trong có 02 (hai) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên

trong các gói đều có chất cục bột màu trắng (nghĩ là ma túy Heroine), thu giữ tại vị trí mặt đường nơi Cao Văn Đ đứng, Đ khai nhận do Đ cầm ở tay trái thả xuống nền đường, được niêm phong trong 01 phong bì thư có kí hiệu “QT”.

01(một) chiếc điện thoại màu xanh - đen có nhãn hiệu Masstel A116 có số IMEI 301014133699790 và số IMEI 301014133699808.

01(một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8-3169 nhãn hiệu Honda, số loại WaveS, màu sơn đen - xám, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe.

Tại kết luận giám định số 654/KL-KTHS ngày 16/05/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Trong 01(một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 (hai) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, được đựng trong 01 (một) vỏ bao thuốc lá màu vàng nhãn hiệu “Thăng long” đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,166 gam.

Quá trình điều tra Cao Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 42/CT- VKS, ngày 22/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Cao Văn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX :

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm c khoản1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt : Bị cáo Cao Văn Đ từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù được trừ đi 2 ngày tạm bị tạm giữ từ ngày 15/5/2019 đến 17/5/2019. Buộc bị cáo phải chấp hành 13 tháng 28 ngày đến 15 tháng 28 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: chị là vợ của bị cáo Đ, khi Đ lấy xe mô tô của chị đi chỉ nói là đi sửa dao nên chị không biết việc Đ đã dùng xe mô tô của chị để đi mua ma túy. Đến nay chị đã nhận lại chiếc xe mô tô, chị không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là ông Nguyễn Công Kh và anh Giáp Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông Kh, anh Tr đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 BLTTHS.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định, phù hợp lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Hồi 10 giờ 45 phút ngày 14/05/2019, tại khu vực phố H, thị trấn C, huyện T, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện bắt quả tang đối với Cao Văn Đ, sinh năm 1984, trú tại thôn Ng, xã A, huyện T đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,166 gam ma túy Heroine, với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX thấy:

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đ có ông ngoại là ông Nguyễn Văn G được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có thu nhập, không thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với người đàn ông khoảng trên 30 tuổi Đ gặp ở trong bờ đê L thuộc khu vực thôn Đ, xã L mà Đ đã nhờ mua ma túy, Đ không biết tên, địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xác minh, làm rõ nên đã tách phần tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] Đối với người đàn ông tên S (thường gọi là S béo ở thôn H, xã C, huyện T), Đ khai là người đã điện thoại rủ và đưa số tiền 190.000đồng để cùng Đ mua ma túy ngày 14/5/2019 về sử dụng. Cơ quan điều tra xác minh tại thôn H, xã C, huyện T thì không có người đàn ông nào tên là S như Đ khai nhận. Quá trình điều tra xác định số thuê bao 0393056454 mà Đ khai là của S điện thoại cho Đ là của anh Ngô Văn Th, sinh năm 1967, ở số nhà 33/161, khóm 5, phường 5, thành phố B, tỉnh B, anh Th trình bày không đứng tên chủ sở hữu số điện thoại thuê bao trên, anh Th không có quan hệ gì với Cao Văn Đ. Nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu có liên quan đến người đàn ông tên S để tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Đối với Giáp Văn Tr, sinh năm 1982 ở thôn Ng, xã C, huyện T là người đi nhờ xe mô tô của Đ, anh Tr không biết Cao Văn Đ đi mua ma túy, không tham gia vào việc trao đổi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nên không phạm tội.

[8] Về vật chứng:

01 (một) phong bì thư có ký hiệu “QT” mẫu chất cục bột màu trắng 0,125 gam, vỏ bao gói sau giám định, phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trưng cầu giám định là vật chứng cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

01(một) chiếc điện thoại màu xanh - đen có nhãn hiệu Masstel A116 có số IMEI 301014133699790 và số IMEI 301014133699808, thu giữ khi bắt quả tang là tài sản của Cao Văn Đ, bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại nhận cuộc gọi của đối

tượng S rủ góp tiền để đi mua ma túy ngày 14/5/2019 nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WaveS, màu sơn đen - xám có biển kiểm soát 98N8-3169, thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra làm rõ thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã A, huyện T (chị H là vợ bị cáo Đ). Sáng ngày 14/5/2019, Đ nói với chị H lấy xe mô tô đi sửa dao, chị H không biết Đ đã sử dụng xe đi mua ma túy. Ngày 26/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chị H chiếc xe mô tô trên. Đến nay chị H đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu, đề nghị gì.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Cao Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn Đ 14 (mười bốn) tháng tù. Bị cáo được trừ 02 ngày tạm giữ từ ngày 15/5/2019 đến ngày 17/5/2019. Buộc bị cáo phải chấp hành 13 (mười ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 5.000.000đồng (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

2. Về vật chứng: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì thư có ký hiệu “QT” mẫu chất cục bột màu trắng 0,125 gam, vỏ bao gói sau giám định, phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trưng cầu giám định.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại màu xanh - đen có nhãn hiệu Masstel A116 có số IMEI 301014133699790 và số IMEI 301014133699808.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Cao Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị O